

Số: 24 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 533/TTr-SNN ngày 30/3/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

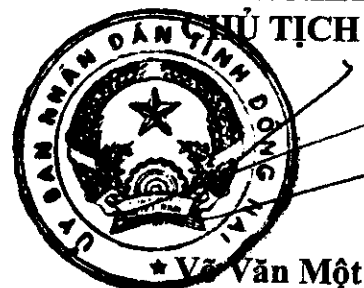
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6026/2005/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ NN & PTNT, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, TP. Biên Hòa;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu : VT- CNN, các phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



QUY ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai.

*(Ban hành kèm theo quyết định số 24 /2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4
năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hoạt động và trụ sở làm việc

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh về tổ chức, biên chế và công tác; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước Đồng Nai để hoạt động theo quy định của nhà nước.

Trụ sở Sở làm việc: đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (061) 3822970; Fax: (84.61) 827393

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ chung

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; quy hoạch phòng, chống giảm nhẹ thiên tai

phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Chi cục trực thuộc Sở;

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Ban hành quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với UBND huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với UBND xã.

3. Tổ chức chỉ đạo và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế-kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về trồng trọt và chăn nuôi:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng; quyết định và chịu trách nhiệm về việc áp dụng các biện pháp canh tác, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y (bao gồm cả thú y thủy sản); phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

g) Tổ chức bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, cây con chủ lực trên địa bàn tỉnh.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của UBND cấp huyện;

b) Giúp UBND tỉnh quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

Giúp UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

d) Tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng và chống dịch bệnh gây hại rừng, cháy rừng;

đ) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng; giúp UBND tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và UBND cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

g) Thẩm định các phương án thiết kế kỹ thuật và dự toán hàng năm các công trình phục vụ lâm sinh theo đề nghị của địa phương, đơn vị.

6. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của UBND tỉnh về quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác

thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

đ) Tham mưu và giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi mặt nước thuộc địa phương quản lý để nuôi trồng thủy sản theo quy định;

e) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định;

g) Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về thủy sản, quyết định và chịu trách nhiệm về áp dụng giống mới, chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng thuốc thú y và các chế phẩm phục vụ nuôi thủy sản.

7. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của UBND tỉnh về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi vừa và nhỏ và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, bão, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn, sạt, lở ven sông trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; về hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V; việc quyết định phân lũ, chận lũ để hộ đê trong phạm vi của địa phương theo quy định.

8. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông

thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông thôn; kế hoạch chuyên dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc uỷ quyền của UBND tỉnh.

9. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến đối với các ngành hàng và lĩnh vực cơ điện, ngành nghề, làng nghề nông thôn, bảo quản sau thu hoạch thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Tổ chức thực hiện công tác xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản.

Điều 4. Công tác khác

1. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

2. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương.

3. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật hoặc sự phân công, uỷ quyền của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông

nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản theo quy định.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo phân cấp của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

8. Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

9. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt trên địa bàn huyện với UBND huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với UBND xã.

10. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

11. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của tỉnh theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, sạt, lở, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

13. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh.

15. Quản lý tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo quy định của UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

17. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền hạn

1. Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành, chất lượng nông, lâm sản hàng hóa, quản lý công tác an toàn các công trình thủy lợi, an ninh lương thực, phòng chống dịch bệnh động, thực vật; phòng chống lụt, bão; an toàn sử dụng hóa chất trong sản xuất và bảo quản nông sản thực phẩm theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý việc cấp phép và chứng chỉ hành nghề của các đơn vị trực thuộc trong các lĩnh vực liên quan đến ngành theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư chuyên ngành theo phân cấp của tỉnh.

4. Được đề nghị các Sở, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực ngành quản lý (kể cả của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh) cung cấp số liệu, các báo cáo cần thiết, liên quan đến công tác quy hoạch, tổng hợp kế hoạch toàn ngành.

5. Được mời các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực ngành quản lý (kể cả của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh) dự họp bàn các vấn đề cần thiết theo đúng chức năng của Sở.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC SỞ

Điều 6. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Giám đốc Sở

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, Giám đốc Sở là người quyết định, chỉ đạo và điều hành toàn diện các mặt hoạt động của Sở.

2. Chuẩn bị các nội dung trình Chủ tịch UBND tỉnh, quyết định các công việc về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo về chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển, chương trình sau khi được chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời chịu trách nhiệm về hiệu quả thực hiện các chương trình, đề án của Sở.

4. Chịu trách nhiệm về công việc do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý.

5. Phân công các Phó Giám đốc giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc. Khi ủy quyền cho các Phó Giám đốc làm việc và giải quyết các vấn đề của mình thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định của Phó Giám đốc được phân công hoặc ủy quyền giải quyết.

6. Tham gia đầy đủ các phiên họp của UBND tỉnh (khi được mời dự), nếu Giám đốc không tham dự được các cuộc họp có thể cử Phó Giám đốc đi dự thay (trường hợp cử chuyên viên đi dự họp thì lãnh đạo Sở phải báo cáo lý do và được chủ trì cuộc họp đồng ý trước).

7. Không chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lên Chủ tịch hoặc UBND tỉnh; không ban hành văn bản trái với quy định của Chủ tịch, UBND tỉnh, những vấn đề vượt quá thẩm quyền được giao phải xin ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 7. Quyền hạn của Giám đốc Sở

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, phòng Tổ chức Cán bộ, Thanh tra Sở, các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật. Quản lý biên chế, tuyển dụng (viên chức), tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ; khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở và phân cấp của UBND tỉnh. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp – Nông thôn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Quyết định công việc thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

3. Thực hiện các quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quyền hạn khác theo phân cấp, theo ủy quyền của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY – BIÊN CHẾ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Lãnh đạo Sở

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc miễn

nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng tổ chức cán bộ;
- c) Thanh tra Sở;
- d) Phòng Kế hoạch – Tài chính;
- e) Phòng Nông nghiệp;
- f) Phòng Lâm nghiệp;
- g) Phòng Thủy lợi;
- h) Phòng Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

2. Các Chi cục trực thuộc Sở:

- a) Chi cục Bảo vệ thực vật;
- b) Chi cục Kiểm lâm;
- c) Chi cục Thú y;
- d) Chi cục Thủy sản;
- e) Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn;

3. Ở cấp huyện:

Một số chi cục được tổ chức Hạt, Trạm đặt trên địa bàn huyện, bao gồm:

- Chi cục Kiểm lâm có Hạt Kiểm lâm ở các huyện, thị xã, thành phố.
- Chi cục Thú y có Trạm thú y ở các huyện, thị xã, thành phố.
- Chi cục Bảo vệ thực vật có trạm Bảo vệ thực vật ở các huyện, thị xã, thành phố.
- Chi cục Thủy sản có trạm thủy sản ở các huyện, thị xã, thành phố.

Các Trạm, Hạt có trách nhiệm tổ chức thực thi và đề xuất hoặc phối hợp đề xuất, giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực được giao trên địa bàn; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra và điều động của Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp cần thiết theo quy định.

4. Ở cấp xã:

Căn cứ đặc điểm cụ thể của địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh quyết định cho phép: Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật được hợp đồng nhân viên chuyên môn, kỹ thuật và cộng tác viên hoạt động trên địa bàn xã.

5. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

- a) Trung tâm khuyến nông;

- b) Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- c) Trung tâm thủy sản;
- d) Ban Quản lý dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

6. Các ban quản lý rừng phòng hộ trực thuộc Sở:

- a) Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa;
- b) Ban quản lý rừng phòng hộ 600;
- c) Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành;
- d) Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú;
- e) Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc.

Trung tâm Khuyến nông được thành lập Trạm trực thuộc đặt trên địa bàn huyện, có nhân viên hợp đồng và cộng tác viên làm công tác khuyến nông trên địa bàn xã theo quy định của UBND tỉnh.

Khi có nhu cầu cần thiết thành lập thêm các đơn vị sự nghiệp, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng Sở Nội vụ và các ngành liên quan đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 10. Biên chế

1. Việc xác định biên chế, bố trí cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Sở và chức danh tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật;

2. Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm cụ thể về quản lý ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xác định biên chế hành chính của Sở để trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trong tổng biên chế hành chính nhà nước của tỉnh;

3. Biên chế Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Sở do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Nội vụ.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 11. Đối với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý trực tiếp của UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp hành các quyết định, chỉ thị của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; báo cáo công tác với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo chế độ quy định.

Trước khi thực hiện các chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành Trung ương có liên quan đến chương trình kế hoạch chung của tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 12. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ các mặt công tác do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác chuyên môn theo chế độ định kỳ và yêu cầu đột xuất.

Điều 13. Đối với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh và các ban của Tỉnh ủy

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường mối quan hệ với các cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể quần chúng trên nguyên tắc cộng đồng trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau theo chức năng của từng cơ quan để hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh và nhiệm vụ riêng của mỗi cơ quan.

Điều 14. Đối với các đoàn thể của tỉnh

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan hệ phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành trong các lĩnh vực về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Đối với UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

1. Phối hợp UBND cấp huyện, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, dự án chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ và giải quyết các đề xuất, kiến nghị của UBND cấp huyện phù hợp với quy định quản lý Nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức chỉ đạo, triển khai các lĩnh vực thuộc Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến của Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND cấp huyện trong việc phối hợp giải quyết các vấn đề có liên quan. Trong các vấn đề giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với UBND cấp huyện chưa nhất trí thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ về chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành thuộc chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với UBND cấp huyện hoặc thông qua phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế) để tham mưu cho UBND cấp huyện để thực hiện tốt công tác nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Điều 16. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo chế độ giao ban định kỳ để đánh giá kết quả công tác và dự kiến kế hoạch công tác trong thời kỳ tới

Định kỳ ba tháng, sáu tháng giao ban một lần về chuyên ngành với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế) các huyện, thị xã, thành phố hoặc cuộc họp bất thường để phổ biến, triển khai nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của UBND tỉnh hoặc cấp trên có liên quan đến công tác Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 17. Đối với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố có trụ sở tại tỉnh Đồng Nai

1. Thực hiện mối quan hệ bình đẳng, hợp tác để đi đến thống nhất trong việc giải quyết các nhiệm vụ có liên quan giữa các bên, trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy định của Chính phủ và UBND tỉnh.

2. Được sự ủy nhiệm của UBND tỉnh về việc quản lý nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ theo dõi và yêu cầu các đơn vị báo cáo tình hình các mặt công tác có liên quan đến công tác Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phục vụ cho công tác chỉ đạo chung của UBND tỉnh.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này do UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ và thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Võ Văn Một